

**PHỤ LỤC III-1**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng ... năm 2023

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch<sup>1</sup> .....

Tôi là *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*<sup>2</sup>: ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Mã số thuế cá nhân (nếu có)<sup>3</sup>: .....

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân<sup>4</sup>:

Căn cước công dân  Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Có giá trị đến ngày (nếu có): ...../...../.....

Địa chỉ thường trú:

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Địa chỉ liên lạc:

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

<sup>1</sup> Ghi rõ tên Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở.  
Ví dụ: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt.

<sup>2</sup> Điền đầy đủ tên của người đăng ký hộ kinh doanh.

<sup>3</sup> Điền đầy đủ mã số thuế của người đăng ký hộ kinh doanh.

<sup>4</sup> Đánh dấu X vào ô tương ứng với loại giấy tờ pháp lý cá nhân mà người đăng ký hộ kinh doanh đang sử dụng.

Điện thoại (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

**Đăng ký hộ kinh doanh do tôi là chủ hộ với các nội dung sau:**

**1. Tên hộ kinh doanh<sup>5</sup> (ghi bằng chữ in hoa):** .....

**2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

**3. Ngành, nghề kinh doanh<sup>6</sup>:**

STT	Tên ngành	Mã ngành <sup>7</sup>	Ngành, nghề kinh doanh chính (Đánh dấu x để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

**4. Vốn kinh doanh:**

Tổng số (bằng số, bằng chữ, VNĐ): .....

**5. Thông tin đăng ký thuế:**

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

<sup>5</sup> Điền đầy đủ tên của hộ kinh doanh (Lưu ý: Tên của hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định tại Điều 88 Nghị định 01/2021/NĐ-CP).

<sup>6</sup> Điền ngành nghề kinh doanh như sau:

- Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;  
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư 2020;  
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư 2020 (được bổ sung bởi khoản 5 Điều 3 Luật số 03/2022/QH15 và khoản 1 Điều 2 Luật số 09/2022/QH15 có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2023).

<sup>7</sup> Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do (free text) và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Email (nếu có): .....

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động<sup>8</sup> (trường hợp hộ kinh doanh dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này): /.../.../.....

5.3. Tổng số lao động (dự kiến): .....

5.4. Địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh (Chỉ kê khai khi có địa điểm kinh doanh khác trụ sở hộ kinh doanh):

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh				Ngày bắt đầu hoạt động
		Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn	Phường/xã	Quận/huyện	Tỉnh/ thành phố	

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (đánh dấu X vào ô thích hợp)<sup>9</sup>:

Cá nhân  Các thành viên hộ gia đình

7. Thông tin về các thành viên hộ gia đình tham gia thành lập hộ kinh doanh<sup>10</sup>:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ liên lạc	Số, ngày cấp, cơ quan cấp CCCD/CMND	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

<sup>8</sup> Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

<sup>9</sup> Đánh dấu X vào ô tương ứng với chủ thể thành lập hộ kinh doanh.

<sup>10</sup> Chỉ kê khai trong trường hợp chủ thể thành lập hộ kinh doanh là các thành viên hộ gia đình và kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này.

Tôi xin cam kết:

- Bản thân và các thành viên hộ kinh doanh (*trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập*) không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; không đồng thời là chủ hộ kinh doanh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh (*trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại*);
- Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

**CHỦ HỘ KINH DOANH**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>11</sup>

---

<sup>11</sup> Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.